TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **176**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -11- 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B –ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Liêm

2. Ông Võ Thanh Anh

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Thanh Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B – Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực B – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1975;

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Ông Q và bà H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam cũ *(nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)* vào năm 2001. Quá trình chung sống, ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, không cùng tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến thường xuyên cãi vã, ông và bà H đã không sống chung với nhau khoảng 02 (hai) năm nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn

đối với bà Lê Thị H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 16/02/2007. Các con đã thành niên và đều đã lập gia đình, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Q về thời gian, điều kiện kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do bà và ông Q bất đồng về quan điểm nên thường xuyên cãi vã, ông Q thường xuyên rượu chè. Bà được biết ông Q đã có mối quan hệ khác được một khoảng thời gian, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Q không thay đổi. Bà và ông Q đã không sống chung với nhau khoảng 02 (hai) năm nay. Nay, ông Nguyễn Tấn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn bà không đồng ý, lý do bà không đồng ý là vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con và gia đình, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung như ông Q đã trình bày. Các con đã thành niên và đều đã lập gia đình, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về tố tụng và hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Tấn Q được ly hôn với bà Lê Thị H, các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tấn Q và bà Lê Thị H đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam cũ *(nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)*. Bà Lê Thị H hiện đang cư trú tại xã T, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Tấn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực B –Đà Nẵng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn Q và bà Lê Thị H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông Q và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Q yêu cầu ly hôn, bị đơn bà Lê Thị H không đồng ý, tuy nhiên căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hiện tại ông Q và bà H đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn Q và bà Lê Thị H không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyên Tấn Q được ly hôn với bà Lê Thị H là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nuôi con chung: Các con đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Tấn Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Tấn Q được ly hôn với bà Lê Thị H.

2.Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: ông Nguyễn Tấn Q phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004441 ngày 24/10/2025 tại Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực B- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mận